TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21– 12 – 2023
"V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung giữa chị Phan Thị M và anh Tống Ngọc H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Dân

2. Bà Phạm Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lan Hướng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị M, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Tống Ngọc H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa chị Phan Thị M có mặt, anh Tống Ngọc H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn là chị Phan Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Tống Ngọc H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 28/07/2001 tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H thường xuyên rượu chè, về nhà chửi bới vợ con gây ảnh hưởng đến tinh thần của chị và các con. Chị và anh H đã ngồi lại nói chuyện nhiều lần để mong anh H thay đổi, giữ gìn mái ấm gia đình nhưng sau nhiều lần cố gắng vẫn không có kết quả. Vợ chồng chị ngày càng cãi nhau nhiều hơn. Nay chị thấy vợ chồng không cùng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị M khai, vợ chồng có 02 con chung là Tống Ngọc Đ, sinh ngày 10/4/2001 và Tống Ngọc T, sinh ngày 12/10/2006. Ly hôn con Đ đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con T, ban đầu chị có nguyện vọng nuôi dưỡng tuy nhiên do anh H cũng mong muốn được nuôi con nên chị nhất trí để con T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và nhất trí việc anh H không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị không có thai nghén gì.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Tống Ngọc H: Tòa án đã triệu tập nhiều lần, anh H có đến Tòa án và được Tòa án lấy lời khai. Tuy nhiên anh H đã từ chối ký tên vào biên bản và tự ý bỏ về. Tòa án đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho gia đình anh H, nhưng sau đó anh H vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Trong biên bản lấy lời khai, anh H thừa nhận thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị M trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống vẫn rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Nay chị M làm đơn ly hôn với anh, anh vẫn còn yêu thương vợ con nên không muốn ly hôn. Trường hợp chị M kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn chị M. Anh nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh với gia đình chị M, gia đình anh H, với cháu Tống Ngọc Đ và địa phương thôn N, xã Q được cung cấp: Quá trình chung sống giữa vợ chồng chị M, anh H sống không hạnh phúc. Có hiện tượng anh H uống rượu dẫn đến vợ chồng xô xát, to tiếng với nhau.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/11/2023 của cháu Tống Ngọc T, sinh ngày 12/10/2006 thể hiện: Cháu T mong muốn được ở cùng với mẹ.

Tại phiên tòa:

- Chị M thay đổi yêu cầu về phần con chung, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu Tống Ngọc T. Nếu cháu T muốn ở với chị thì chị nhận nuôi cháu và không yêu cầu anh H phải góp tiền cấp dưỡng.

- Cháu T cũng có mặt tại phiên tòa trình bày nguyện vọng xin được ở cùng mẹ là Phan Thị M. Hiện tại cháu đã đi làm, có thu nhập, không quá phụ thuộc vào bố mẹ nên cháu đề nghị Tòa chấp nhận nguyện vọng của cháu.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị M, xử cho chị Phan Thị M được ly hôn anh Tống Ngọc H. Về con chung: Con Tống Ngọc Đ, sinh ngày 10/4/2001 đã trưởng thành không đặt ra giải quyết. Giao con chung Tống Ngọc T, sinh ngày 12/10/2006 cho chị Phan Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu anh H phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết. Về án phí: chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị M khởi kiện xin ly hôn anh Tống Ngọc H có nơi cư trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, căn cứ các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; bị đơn là anh Tống Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tiến hành xét xử vắng mặt anh Tống Ngọc H.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị M và anh Tống Ngọc H xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 28/7/2001 là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của chị M cho thấy, do không chấp nhận việc anh H thường xuyên rượu chè, chửi bới, đánh đập chị, đe dọa chị dẫn đến việc chị bị khủng hoảng tâm lý. Từ tháng 7/2023 chị đã phải về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N sau đó ra Hải Phòng nơi chị làm việc ở cùng em gái chị cho đến nay. Theo kết quả xác minh cho thấy cuộc

sống vợ chồng giữa chị M và anh H có xảy ra xô xát, cãi cọ nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay. Anh H cho rằng vợ chồng vẫn hạnh phúc, anh vẫn yêu thương vợ con và không muốn ly hôn nhưng anh H không có biện pháp gì hàn gắn quan hệ vợ chồng, không đến Tòa án tham gia tố tụng, không thiện chí hòa giải. Trường hợp chị M cương quyết xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn với chị M. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị thực sự không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh Tống Ngọc H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị Phan Thị M và anh Tống Ngọc H có 02 con chung là Tống Ngọc Đ, sinh ngày 10/4/2001 và Tống Ngọc T, sinh ngày 12/10/2006. Anh H có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Bản thân chị M nhiều lần thay đổi yêu cầu về việc nuôi dưỡng cháu Tống Ngọc T, có lúc chị nhận nuôi con, có lúc chị nhường anh H nuôi. Tuy nhiên tại phiên tòa cháu T có nguyện vọng tha thiết được ở cùng với mẹ và chị M đề nghị Tòa án tôn trọng ý kiến của cháu T, giao cháu T cho chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh H phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Xét thấy: cháu Tống Ngọc T đã trên 16 tuổi. Hiện tại cháu T đã nghỉ học, đi làm, tự lập về kinh tế. Anh H xin nuôi con nhưng không xuất trình bất cứ tài liệu chứng cứ gì chứng minh điều kiện nuôi dưỡng con. Chị M chứng minh được việc chị đi làm và có thu nhập ổn định. Do đó để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu T, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của cháu T và chị M, giao cháu T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị M không yêu cầu anh H phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý chí tự nguyện của chị M và phù hợp với quy định của Pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với con chung là Tống Ngọc Đ, sinh ngày 10/4/2001 đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản: Chị Phan Thị M và anh Tống Ngọc H đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phan Thị Mphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị M và anh Tống Ngọc H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị M được ly hôn anh Tống Ngọc H.

2. Về con chung:

- Con chung Tống Ngọc Đ, sinh ngày 10/4/2001 đã trưởng thành không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng.

- Xử giao con chung Tống Ngọc T, sinh ngày 12/10/2006 cho chị Phan Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị M không yêu cầu anh H phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con T. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005972 ngày 12 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Tống Ngọc H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Phượng